TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 38/2018/DS-PT Ngày 14/9/2018 V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản, tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Được

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 về "*Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2018/QĐPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn M - sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 9 năm 2018 của ông Trịnh Văn Mạnh: Ông Lê Văn D - sinh năm 1941 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Kim H – sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trịnh Thị Ng - sinh năm 1957 (vắng mặt);

2. Bà Trịnh Thị N - sinh năm 1967 (vắng mặt);

3. Ông Trịnh Văn C (T) – sinh năm 1973 (vắng mặt);

4. Bà Trịnh Thị T – sinh năm 1978 (vắng mặt);

5. Ông Trịnh Văn T – sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

6. Bà Trịnh Thị G, sinh năm 1970 (vắng mặt);

7. Bà Trịnh Thị G, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

8. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 9 năm 2018 của bà Trịnh Thị Ng, bà Trịnh Thị N, ông Trịnh Văn C (T), bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị T: Ông Lê Văn D - sinh năm 1941 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trịnh Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trịnh Văn M ủy quyền cho ông Lê Văn D tham gia tố tụng trình bày:

Ông là con của vợ chồng ông Trịnh Văn Đ bà Huỳnh Thị H.

Trước năm 1975, vợ chồng ông Đ bà H có khai hoang được khoảng 18.000 m^2 đất nông nghiệp ở tục danh Cây Me Ba Tầng, nay là Thửa số 59a và Thửa số 75 tờ Bản đồ địa chính số 33 xã P, huyện T. Vợ chồng ông H bà H trồng bắp, dưa, đậu, mì từ khi khai hoang đến năm 2000 thì không canh tác đất nữa, vì hạn hạn kéo dài, không có nước canh tác.

Ông Đ chết không để lại di chúc.

Năm 2000, bà H mượn của bà Võ Thị Kim H 1.000.000 đồng, mượn làm hai lần, lần đầu 300.000 đồng, lần sau mượn 700.000 đồng, nên sau đó bà H cho bà H mượn thửa đất nói trên để trồng hoa màu.

Trong thời gian bà H canh tác, ngày 21/4/2015 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất số 995/QĐ-UBND thu hồi 236 m^2 đất nằm trong diện tích đất mà bà H cho bà H mượn để thực hiện Dự án xây dựng hệ thống cấp nước phục vụ thi công Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1.

Ngày 08/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1217/QĐ-UBND tổng cộng 20.188.000 đồng (Trong đó: Bồi thường đất 6.608.000 đồng; Hoa màu, cây trồng 364.000 đồng; các khoản hỗ trợ là 13.216.000 đồng).

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2017/DS-PT ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định buộc bà H phải trả lại cho bà H và các con toàn bộ diện tích đất mà bà H đã mượn theo đơn khởi kiện của bà H; Buộc bà H và các con hoàn trả lại cho bà H 11.431.000 đồng giá trị cây trồng trên đất.

Bà H chết ngày 04 tháng 12 năm 2017 không để lại di chúc.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà H phải trả lại cho các anh chị em ông 20.188.000 đồng mà bà H đã nhận bồi thường vào tháng 5/2015 theo Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 1217/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T và phải chịu lãi suất 10%/năm của 20.188.000 đồng, tính thành tiền lãi suất là 5.721.000 đồng, thời gian tính lãi suất là 34 tháng (từ tháng 5/2015 cho đến tháng 3/2018).

Ông và các anh chị em ông đồng ý trả cho bà H 1.000.000 đồng bà H đã mượn.

- Bị đơn bà Võ Thị Kim H trình bày:

Năm 2000, bà Huỳnh Thị H chuyển nhượng cho bà 01 thửa đất diện tích bao nhiêu bà không biết, với giá 1.000.000 đồng. Bà H có ứng trước 300.000 đồng, sau đó khi bà H giao Giấy sang nhượng đất cho bà, bà đã trả cho bà H 700.000 đồng còn lại.

Bà canh tác đất từ năm 2000 đến năm 2016 thì thuê mướn người đào ranh và trồng xoan, dứa, si sô, dầu lai…

Ngày 08/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1217/QĐ-UBND thu hồi 236 m^2 đất để làm đường ống nước Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1, ban hành Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 bồi thường cho bà tổng cộng 20.188.000 đồng.

Năm 2016, bà H khởi kiện đòi lại toàn bộ diện tích đất nói trên. Qua hai cấp xét xử, tại Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2017/DS-PT ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định buộc bà phải trả lại cho bà H và các con toàn bộ diện tích đất mà theo đơn khởi kiện của bà H; Buộc bà H và các con hoàn trả lại cho bà 11.431.000 đồng giá trị cây trồng trên đất.

Bà chỉ đồng ý với một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của ông M. Cụ thể là: Bà đồng ý trả lại cho ông M và các anh chị em của ông M 6.608.000 đồng bồi thường thu hồi 236 m^2 đất.

Bà yêu cầu ông M phải trả lại cho bà 1.000.000 đồng mà H đã mượn của bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Ng, Trịnh Thị N, Trịnh Văn C (T), Trịnh Thị T, Trịnh Văn T, Trịnh Thị G, Trịnh Thị G, Trịnh Thị T ủy quyền cho ông Lê Văn D tham gia tố tụng trình bày:

Các ông bà đồng ý với toàn bộ nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Trịnh Văn M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

- Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 246, Điều 256, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 83, Điều 84 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2106 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Trịnh Văn M và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Trịnh Thị Ng, Trịnh Thị N, Trịnh Văn C (T), Trịnh Thị T, Trịnh Văn T, Trịnh Thị G, Trịnh Thị G, Trịnh Thị T về việc: Yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Kim H trả số tiền bồi thường đất trồng cây hàng năm là 6.608.000 đồng.

Buộc bà Võ Thị Kim H trả cho ông Trịnh Văn M và các ông, bà Trịnh Thị Ng, Trịnh Thị N, Trịnh Văn C (T), Trịnh Thị T, Trịnh Văn T, Trịnh Thị G, Trịnh Thị G, Trịnh Thị T số tiền 6.608.000 đồng.

2/. Bác yêu cầu của Nguyên đơn ông Trịnh Văn M và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Trịnh Thị Ng, Trịnh Thị N, Trịnh Văn C (T), Trịnh Thị T, Trịnh Văn T, Trịnh Thị G, Trịnh Thị G, Trịnh Thị T về yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Kim H trả 364.000 đồng giá trị tài sản (Hoa màu, cây trồng), 13.216.000 đồng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm và số tiền lãi 5.721.000 đồng

3/. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Bị đơn bà Võ Thị Kim H về việc: Yêu cầu Nguyên đơn ông Trịnh Văn M và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Trịnh Thị Ng, Trịnh Thị N, Trịnh Văn C (T), Trịnh Thị T, Trịnh Văn T, Trịnh Thị G, Trịnh Thị G, Trịnh Thị T phải trả cho bà H 1.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Buộc ông Trịnh Văn M và các ông, bà Trịnh Thị Ng, Trịnh Thị N, Trịnh Văn C (T), Trịnh Thị T, Trịnh Văn T, Trịnh Thị G, Trịnh Thị G, Trịnh Thị T trả cho bà Võ Thị Kim H 1.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03 tháng 6 năm 2018, Nguyên đơn ông Trịnh Văn M kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Trịnh Văn M tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, Thư ký Toà án và các Thẩm phán tham gia phiên toà đã chấp hành đúng các quy định về: Thụ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Toà án cấp phúc thẩm thụ lý cho vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên toà hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Nguyên đơn ông Trịnh Văn M; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận; Buộc bà Võ Thị Kim H phải trả lại cho ông Mvà các ông, bà Trịnh Thị Ng, Trịnh Thị N, Trịnh Văn C (T), Trịnh Thị T, Trịnh Văn T, Trịnh Thị G, Trịnh Thị G, Trịnh Thị T 13.216.000 đồng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm trên đất trồng cây hàng năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Trịnh Văn M, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

bà Trịnh Thị Ng, bà Trịnh Thị N, ông Trịnh Văn C (T), bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có mặt tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 294 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Võ Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Trịnh Văn M không rút đơn khởi kiện; Không thay đổi, bổ sung, không rút một phần hoặc toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày và kết quả tranh luận của các đương sự cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản" là chưa chính xác. Vì quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp đòi lại tài sản" được quy định trong Bộ luật dân sự.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo thứ nhất của ông Trịnh Văn M có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Võ Thị Kim H phải trả lại cho ông Trịnh Văn M, bà Trịnh Thị Ng, bà Trịnh Thị N, ông Trịnh Văn C (T), bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị T 13.216.000 đồng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Tại Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Võ Thị Kim H sử dụng tại xã P, huyện T để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Hệ thống cấp nước phục vụ thi công Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 (Đoạn đi qua địa bàn xã P, huyện T – Đợt 2) (BL 03) thể hiện: Thu hồi 236 m^2 đất do hộ ông (bà) Võ Thị Kim H sử dụng tại xã P, huyện T để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Hệ thống cấp nước phục vụ thi công nhà máy điện hạt nhận Ninh Thuận 1…

- Tại Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Võ Thị Kim H khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Hệ thống cấp nước phục vụ thi công Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 (Đoạn đi qua địa bàn xã P, huyện T – Đợt 2; BL 05) thể hiện: Bồi thường hỗ trợ cho bà Võ Thị Kim H 20.188.000 đồng (trong đó gồm: Đất 236 m^2 là 6.608.000 đồng; Hoa màu, cây trồng là 364.000 đồng; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm vị trí 2 là 13.216.000 đồng).

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2017/DS-PT ngày 13/7/2107 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (BL 07 – 11) đã quyết định: Buộc bà Võ Thị Kim H trả lại cho hộ gia đình bà Huỳnh Thị H 17.679 m^2 đất (tục danh cây me ba tầng), gồm Thửa đất số 75 diện tích 8.629 m^2 và Thửa số 59a diện tích 474 m^2, tờ Bản đồ địa chính số 33 xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; Giao cho hộ gia đình bà Huỳnh Thị H được quyền sử dụng 17.679 m^2 đất (tục danh cây me ba tầng), gồm Thửa đất số 75 diện tích 8.629 m^2 và Thửa số 59a diện tích 474 m^2, tờ Bản đồ địa chính số 33 xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; Buộc bà Huỳnh Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà Trịnh Thị Ng, Trịnh Thị N, Trịnh Thị T, Trịnh Văn C, Trịnh Văn T, Trịnh Thị G, Trịnh Thị G và Trịnh Thị T hoàn lại cho bà Võ Thị Kim H 11.431.000 đồng giá trị tài sản (cây trồng) trên đất.

Xét thấy: Nguồn gốc 17.852 m^2 đất (tục danh cây me ba tầng, bao gồm cả 236 m^2 đất đã thu hồi) là của hộ gia đình bà Huỳnh Thị H khai hoang và sử dụng từ trước năm 1999. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn ông M, buộc bà H phải trả lại cho ông M, bà Ng, bà N, bà T, ông C, ông T, bà G, bà G, bà T 13.216.000 đồng hỗ trợ chuyển đổi và tạo việc làm đất là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông số 14/2009/TN-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo thứ nhất của ông Mạnh.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo thứ hai của ông Trịnh Văn M có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Võ Thị Kim H phải trả lại cho ông M, bà Ng, bà N, bà T, ông Cu, ông T, bà G, bà G, bà T 364.000 đồng trị giá cây nem, cây dầu lai trồng trên 236 m^2 đất đã thu hồi.

Xét thấy: Cây nem, cây dầu lai trồng trên 236 m^2 đất đã thu hồi là tài sản của bà H trồng. Bà H được nhận bồi thường 364.000 đồng là đúng quy định pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của ông M là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo thứ hai của ông Trịnh Văn M.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo thứ ba của ông Trịnh Văn M có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Võ Thị Kim H phải chịu lãi suất 10%/năm của 20.188.000 đồng, thời gian tính lãi suất là 34 tháng (từ tháng 5/2015 cho đến tháng 3/2018), tính thành tiền lãi suất là 5.721.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

20.188.000 đồng là tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, không phải là tiền bà H vay của bà H và các con của bà H, nên không phát sinh lãi suất. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện

này của Nguyên đơn ông Trịnh Văn M là có cơ sở, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo thứ ba này của ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn D là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Trịnh Văn M và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Ng, bà Trịnh Thị N, ông Trịnh Văn C (T), bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị T trình bày: Ông M, bà Ng, bà N, ông C (T), bà T, ông T, bà G, bà G, bà T đồng ý nhận chung, trả nợ chung không chia phần cụ thể cho từng người các khoản tiền; Ông M đồng ý chịu toàn bộ án phí.

Với các tài liệu chứng cứ nói trên; Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Nguyên đơn ông Trịnh Văn M; Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Bà Võ Thị Kim H phải chịu 991.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm [cách tính: (6.608.000 đồng + 13.216.000 đồng) x 5%].

Ông Trịnh Văn M phải chịu 354.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm [cách tính: (364.000 đồng + 5.721.000 đồng + 1.000.000 đồng) x 5%].

- **Về án phí dân sự phúc thẩm**: Do sửa án sơ thẩm, nên ông Trịnh Văn M không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những căn cứ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- **Tuyên xử:** Chấp nhận một phần nội dung yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn ông Trịnh Văn M.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- **Áp dụng:** Khoản 2, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 246, Điều 256, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 83, Điều 84 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2106 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Trịnh Văn M về việc: Yêu cầu Bị đơn bà Võ Thị Kim H phải trả lại số tiền bồi thường đất trồng cây hàng năm, cây trồng trên đất thu hồi, tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm, lãi suất của 20.188.000 đồng.

- Buộc bà Võ Thị Kim H phải trả lại cho ông Trịnh Văn M, bà Trịnh Thị Ng, bà Trịnh Thị N, ông Trịnh Văn C (T), bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị T 6.608.000 đồng bồi thường đất trồng cây hàng năm, 13.216.000 đồng hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm đất trồng cây hàng năm khác.

3/. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận, đúng pháp luật giữa bà Võ Thị Kim H và ông Trịnh Văn M, bà Trịnh Thị Ng, bà Trịnh Thị N, ông Trịnh Văn C (T), bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị T về việc: Ông Trịnh Văn M, bà Trịnh Thị Ng, bà Trịnh Thị N, ông Trịnh Văn C (T), bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Văn T, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị G, bà Trịnh Thị T đồng ý trả cho bà Võ Thị Kim H 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trịnh Văn M phải chịu 354.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 1.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0011092 ngày 23/01/2018 và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0011118 ngày 27/3/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Hoàn trả cho ông Trịnh Văn M 945.700 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

+ Bà Võ Thị Kim H phải chịu 991.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0011120 ngày 30/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Bà Võ Thị Kim H còn phải chịu 691.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trịnh Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho ông Trịnh Văn M 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0016254 ngày 05/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Phòng HC – TP;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán

Nguyễn Thị Luyến

Nguyễn Văn Được

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bích Hồng

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục huyện Thuận Nam;
- TAND huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Phòng HC – TP;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Hồng